

# CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA NHẬN THỨC VỀ NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO TRONG LUẬT HÌNH SỰ

*Hồ Sỹ Sơn\**

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với một loạt quan điểm khác nhau đã và đang xuất hiện trong khoa học pháp lý hình sự trong và ngoài nước về nguyên tắc nhân đạo trong Luật hình sự (LHS), thì sự hiện diện của một loạt những điểm bất cập trong các quy định của Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 1999 của nước ta về trách nhiệm hình sự (TNHS), hình phạt và quyết định hình phạt cũng như sự hiện diện của tình trạng xét xử quá nặng hoặc quá nhẹ, áp dụng một cách tùy tiện các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ TNHS, áp dụng án treo không đúng theo quy định của LHS v.v. cho thấy vấn đề nhân đạo trong LHS vẫn là vấn đề cần được bàn luận trên nhiều phương diện: từ nhận thức cho đến cách thể hiện trong luật cũng như trong các biện pháp áp dụng. Việc làm sáng tỏ cơ sở của việc nhận thức về nguyên tắc nhân đạo trong LHS, là nhu cầu cấp thiết, chẳng những có ý nghĩa lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn to lớn. Thông qua việc nêu và phân tích các quan điểm khác nhau trong khoa học pháp lý hình sự trong và ngoài nước về nguyên tắc nhân đạo trong LHS, chỉ ra những điểm cần tiếp tục trao đổi, đồng thời nêu bật cơ sở lý luận của nhận thức về nguyên tắc nhân đạo trong LHS, bài viết dưới đây góp phần thực hiện nhu cầu đó.

## 2. CÁC QUAN ĐIỂM VỀ NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO TRONG LUẬT HÌNH SỰ

Vấn đề nhân đạo là vấn đề con người, vì vậy, ở nghĩa rộng (nghĩa trừu tượng), nhân đạo là sự thừa nhận cá nhân (con người) là một giá trị, khẳng định lợi ích của con người là tiêu chí đánh giá các quan hệ xã hội, còn ở nghĩa hẹp (nghĩa cụ thể hơn), nhân đạo là sự

yêu thương, quý trọng con người, là sự đối xử nhân từ, có tình người đối với họ.

Bởi là vấn đề con người, nhân đạo “có chiều rộng của thế gian và chiều sâu của lịch sử xã hội loài người”. Ra đời trong quá trình chống cái ác, chống áp bức bóc lột, chống bất công trong xã hội, và dần được định hình như một chủ nghĩa đặc trưng cho hệ tư tưởng tư sản vốn mang nặng tính hình thức và phi thực tế, rồi trở thành chủ nghĩa chân chính, bộ phận hợp thành hệ tư tưởng của giai cấp vô sản, nền tảng cho mọi chính sách phát triển xã hội vì lợi ích của con người, nhân đạo trở thành nguyên tắc chung của pháp luật xã hội chủ nghĩa “chi phối cả tính chất của các quan hệ pháp lý, cả tính chất của các phương pháp điều chỉnh của pháp luật”.

Là bộ phận hợp thành của hệ thống pháp luật Việt Nam, LHS không thể không hàm chứa nội dung và các yêu cầu của nguyên tắc nhân đạo trong pháp luật. Tuy nhiên, bởi đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của LHS và bởi mục đích và nhiệm vụ của ngành luật này mà nguyên tắc nhân đạo có tính đặc thù lớn đến nỗi cho đến nay trong khoa học pháp lý hình sự trong và ngoài nước vẫn chưa có câu trả lời thống nhất xoay quanh vấn đề: nói đến nhân đạo trong LHS là nói đến nhân đạo với ai?; với xã hội?; với Nhà nước (?); với người bị hại (?); với người phạm tội (?). Vậy thì đâu là thực chất của vấn đề (?).

Xuất phát từ nội dung trưng trị vốn có của hình phạt, một số nhà luật học nhận thức nguyên tắc nhân đạo trong LHS theo một bình diện: nhân đạo đối với người phạm tội, thể hiện ở việc xác định loại và mức hình phạt áp dụng đối với họ, xác định tính chất của các phương tiện tác động của LHS. Chẳng hạn, có quan điểm cho rằng “nguyên tắc nhân đạo không đặc trưng cho luật hình sự có nhiều điều cấm hình sự (tội phạm) và

\* TS Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.

nhiều loại hình phạt nghiêm khắc, trong đó có hình phạt tử hình và hình phạt tù có thời hạn dài. Vì vậy, nguyên tắc nhân đạo chỉ có ý nghĩa hạn chế cường chế hình sự thông qua việc xác định loại và mức hình phạt và các nguyên tắc quyết định hình phạt<sup>1</sup>. Kênh cơ bản để thực hiện các quan điểm, tư tưởng nhân đạo trong luật hình sự hiện hành, theo một quan điểm khác “là thực hiện sự đối xử nhân đạo đối với người phạm tội, vì vậy cần tiếp tục nhân đạo hoá luật hình sự bằng cách làm mềm hoá các phương tiện và biện pháp đấu tranh với tội phạm”<sup>2</sup>. Tương tự, khi bàn về việc áp dụng hình phạt tử hình, có quan điểm nhấn mạnh rằng: “đôi khi người ta gọi việc làm đó là việc làm nhân đạo - nhân đạo đối với xã hội. Chúng tôi cho rằng, dù sao đi nữa thì việc làm đó không phải là việc làm nhân đạo mà là việc làm bắt buộc vì lợi ích xã hội, là sự làm gián đoạn quá trình đưa nguyên tắc nhân đạo vào cuộc sống”<sup>3</sup>. Ở mức độ mạnh mẽ và trực diện hơn, có quan điểm khẳng định: “ngay cả khi thừa nhận nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự có nội dung rộng lớn thể hiện ở cả tính chất các quan hệ xã hội mà luật hình sự bảo vệ, ở cả các phương tiện và phương pháp mà luật hình sự sử dụng để bảo vệ các quan hệ xã hội đó, ở cả các loại và khung hình phạt mà nhà làm luật quy định đối với tội phạm, cũng cần phải nhận thức nguyên tắc nhân đạo chỉ theo một bình diện, đó là xác định loại và mức hình phạt áp dụng đối với người phạm tội”<sup>4</sup>.

Ở nước ta, xu hướng nghiên cứu nguyên tắc nhân đạo trong LHS theo một bình diện: nhân đạo đối với người phạm tội cũng được đề cập trong khoa học pháp lý hình sự trong

những năm gần đây. Chẳng hạn, có quan điểm cho rằng “Nguyên tắc nhân đạo XHCN trong LHS trái ngược với mục đích trả thù người phạm tội mà là tạo điều kiện có thể được để người phạm tội cải tạo tốt, trở lại làm ăn lương thiện. Hình phạt cũng như các biện pháp tác động khác của LHS chỉ được áp dụng đến mức độ cần cho sự cải tạo và giáo dục chứ không nhằm mục đích khác. Nguyên tắc nhân đạo XHCN được thể hiện khi quyết định hình phạt và các biện pháp tác động khác của cơ quan có thẩm quyền, trong quá trình cải tạo giáo dục người phạm tội và khi họ đã chấp hành xong hình phạt”<sup>5</sup>.

Nguyên tắc nhân đạo trong LHS, theo một quan điểm khác, “trước hết thể hiện ở chỗ đối với người phạm tội thì xã hội, Nhà nước không có mục đích trả thù mà ngược lại tạo mọi điều kiện có thể được để cho người đó cải tạo tốt, trở lại làm ăn lương thiện, có ích cho xã hội. Hình phạt cũng như các biện pháp tác động pháp lý hình sự khác không nhằm gây đau đớn về thể xác, không nhằm hạ thấp phẩm giá của con người và chỉ được áp dụng đến mức độ cần thiết tối thiểu cho sự cải tạo và giáo dục. Luật hình sự Việt Nam khoan hồng đối với những người nhất thời phạm tội ít nghiêm trọng, đối với người tự thú, thật thà khai báo, tố giác đồng bọn, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại. Luật hình sự Việt Nam có những quy định tạo điều kiện cho người phạm tội tự cải tạo và tích cực cải tạo như: miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật Hình sự, án treo. Hình phạt tù chung thân và hình phạt tử hình được áp dụng trong những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng và với điều kiện chặt chẽ, phạm vi nhất định; hình phạt tù chung thân và hình phạt tử hình không được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội, đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con

<sup>1</sup> Xem: Klenova T. V., Các nguyên tắc của luật hình sự và các nguyên tắc của lập pháp hình sự; Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 1, 1997, trang 56 (Tiếng Nga)

<sup>2</sup> Xem: Bóikó. A. I. Các nhiệm vụ và nguyên tắc của Bộ luật Hình sự Cộng hoà Liên bang Nga; Trong sách: Bình luận Bộ luật Hình sự Cộng hoà Liên bang Nga; Rostov na Đônú; 1996; Trang 43 (Tiếng Nga).

<sup>3</sup> Xem: Karpex. I. I. Hình phạt: Các vấn đề xã hội, pháp luật và tội phạm; Mátcova; 1973, (Tiếng Nga).

<sup>4</sup> Xem: Kelina. S. G., Kđrjavxev. V. N. Các nguyên tắc của luật hình sự Xô viết, Mátcova, 1988, Tr. 27 (Tiếng Nga).

<sup>5</sup> Xem: Nguyễn Ngọc Chí, Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, 2000, Tr. 101.

nhỏ dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi xét xử<sup>6</sup>. Cũng có quan điểm nhìn nhận rộng hơn về nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong LHS, theo đó: “1) hình phạt, các biện pháp tư pháp và các chế định pháp lý hình sự khác được áp dụng đối với người phạm tội không nhằm mục đích gây nên những đau đớn về thể xác và hạ thấp nhân phẩm con người; 2) Nếu trong việc gây thiệt hại về mặt pháp lý hình sự mà thiếu dù chỉ một trong năm đặc điểm của tội phạm – thiếu một trong năm dấu hiệu của chủ thể của tội phạm – thiếu một trong năm điều kiện của TNHS thì tương ứng như vậy, hành vi ấy không phải là tội phạm – người thực hiện hành vi ấy không phải là chủ thể của tội phạm và do đó TNHS bị loại trừ; 3) Mức độ TNHS của người có năng lực TNHS hạn chế, người chưa thành niên, phụ nữ có thai hoặc nuôi con nhỏ, người quá già yếu hoặc mắc bệnh hiểm nghèo được giảm nhẹ hơn so với người bình thường”<sup>7</sup>.

Khác với các quan điểm trên đây vốn được rút ra từ việc nghiên cứu nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự theo một bình diện: nhân đạo đối với người phạm tội, một số quan điểm khác lại được rút ra từ việc nghiên cứu nguyên tắc này theo hai bình diện: vừa nhân đạo đối với người phạm tội lại vừa nhân đạo đối với xã hội, Nhà nước, và các công dân khác trong xã hội. Chẳng hạn, có quan điểm cho rằng “nguyên tắc nhân đạo có nội dung: a) Bảo đảm an ninh xã hội và nhà nước (bảo vệ lợi ích hợp pháp của đông đảo nhân dân); b) Tiết kiệm các biện pháp tác động khác không đem lại hoặc khó đem lại hiệu quả mong muốn; c) Không áp dụng những hình phạt có tính chất gây đau đớn về thể xác hoặc hạ thấp danh dự, nhân phẩm con người; d) Bản thân hệ thống hình phạt được xây dựng theo sơ đồ đi từ hình phạt nhẹ đến hình phạt nặng hơn và các chế tài cụ thể

của điều luật tương ứng cũng được thiết kế theo sơ đồ đó; đ) Quy định thẩm quyền của Chủ tịch nước (Tổng thống) về kiểm tra tính có cơ sở của hình phạt tử hình đã được tuyên đối với cả những trường hợp người bị kết án không có đơn xin ân giảm; e) Quy định trong Bộ luật Hình sự các điều kiện và khả năng được miễn, giảm hình phạt, áp dụng án treo, đặc xá, ân xá,..., các điều kiện và khả năng miễn trách nhiệm hình sự hoặc áp dụng các biện pháp tác động hình sự khác đối với các trường hợp phạm tội lần đầu, ít nghiêm trọng, gây nguy hại không lớn,... g) Quy định trong Bộ luật Hình sự chế độ đặc biệt đối với việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, người già cả và những đối tượng khác đáng được hưởng sự khoan hồng của luật hình sự”<sup>8</sup>.

Nguyên tắc nhân đạo trong Luật hình sự, theo một quan điểm khác, thể hiện trên hai bình diện: bảo đảm an ninh cho các thành viên của xã hội khỏi sự xâm phạm của tội phạm và bảo đảm quyền con người của người phạm tội. Ở bình diện thứ nhất, việc quy định và áp dụng trách nhiệm hình sự đối với một số trường hợp nhất định phải bảo đảm tính nghiêm khắc ở mức có thể để tác động đến “những thành viên không vững vàng” trong xã hội nhằm ngăn ngừa họ phạm tội và thông qua đó để bảo vệ xã hội. Nguyên tắc nhân đạo còn thể hiện sự bảo đảm quyền con người của người phạm tội<sup>9</sup>. Bàn về nguyên tắc nhân đạo trong LHS cũng có quan điểm nhấn mạnh: “nguyên tắc nhân đạo trong Luật hình sự thể hiện ở chỗ trước hết và cần phải bằng các phương tiện tác động của Luật hình sự để bảo vệ nhân thân con người và công dân, bảo vệ tài sản của họ khỏi sự xâm phạm của tội phạm. Sẽ là có cơ sở, công bằng và nhân đạo nếu áp dụng các chế tài hình phạt nghiêm khắc nhất đối với những người thực hiện những tội phạm

<sup>6</sup> Xem: Võ Khánh Vinh (Chủ biên), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung) NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, 2002, Tr.33.

<sup>7</sup> Xem: Lê Văn Cẩm (Chủ biên), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung), NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, Tr.69.

<sup>8</sup> Xem: Гапиакhбаров. Р. R. Luật hình sự (Phần chung) Кракнодар, 1999. Tr. 20 (Tiếng Nga).

<sup>9</sup> Xem: Игнатѳв. V. A. Luật hình sự: Khái niệm, đối tượng và hệ thống, Trong sách: Luật hình sự nước Nga, 2 tập, tập 1 (Phần chung) Матxcова, 1999, Tr. 13, (Tiếng Nga).

đặc biệt nghiêm trọng, những người tổ chức và thực hiện tội phạm một cách quyết liệt đến cùng bởi hơn ai hết những người đó đã gây hoang mang lo sợ cho mọi người trong xã hội về an toàn tính mạng của mình, về việc không được bảo vệ một cách vững chắc khỏi sự xâm phạm của tội phạm. Nguyên tắc nhân đạo còn thể hiện ở chỗ nếu có thể thì áp dụng những hình phạt nhẹ đối với những người lần đầu tiên thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng, gây nguy hại không lớn cho xã hội, ăn năn hối cải, mong muốn khắc phục hậu quả đã gây ra<sup>10</sup>. Chia sẻ với quan điểm này, thậm chí có quan điểm cho rằng “mặc dù tử hình là hình phạt nghiêm khắc tước đoạt quyền được sống của người phạm tội, là hình phạt chỉ có tác dụng trừng trị và phòng ngừa mà không có tác dụng giáo dục, cải tạo, nhưng điều đó không có nghĩa là loại hình phạt này mâu thuẫn với nguyên tắc nhân đạo của Luật hình sự. Ở đây cần thấy rằng, tính nhân đạo được tập trung thể hiện một cách triệt để ở khía cạnh xã hội, tức là ở việc phòng ngừa, răn đe phạm tội, bảo đảm an toàn xã hội, chất lượng cuộc sống. Cũng cần nhắc lại rằng khi nói đến nhân đạo thông thường chúng ta thường xem xét trước hết là từ phía người phạm tội mà đôi khi đánh giá chưa hết lợi ích của người khác và xã hội<sup>11</sup>. Cũng khẳng định cần phải nghiên cứu nguyên tắc nhân đạo trong LHS theo hai bình diện, nhưng có quan điểm lại cho rằng: “ở bình diện thứ nhất, nguyên tắc nhân đạo trong Luật hình sự là nhân đạo đối với người bị hại, còn ở bình diện thứ hai, đó là nhân đạo đối với người phạm tội. Vì vậy, Luật hình sự trước hết phải bảo vệ con người, công dân về mọi mặt: tính mạng, sức khỏe, các quyền và lợi ích hợp pháp,... của họ khỏi sự xâm phạm của tội phạm. Nhân đạo hoàn toàn xa lạ với tình trạng áp dụng hình phạt

nhẹ một cách tùy tiện, không có căn cứ – hiện tượng vẫn thường xảy ra trong thực tiễn xét xử, trong khi cả cơ cấu, cả động thái của tình hình tội phạm không đòi hỏi thực hiện điều đó. Sự tùy tiện trong áp dụng hình phạt nhẹ, đã làm cho sự nhân đạo trở thành sự vô nhân đạo đối với người bị hại – nạn nhân của tội phạm”<sup>12</sup>.

### 3. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA NHÂN THỨC VỀ NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO TRONG LUẬT HÌNH SỰ

Từ những quan điểm và cách tiếp cận nguyên tắc nhân đạo trong LHS được trình bày trên đây có thể thấy các nhà khoa học pháp lý hình sự trong và ngoài nước rất quan tâm đến vấn đề về nguyên tắc nhân đạo trong LHS, song vẫn nhận thức nguyên tắc này theo nhiều cách khác nhau. Điều đó cho thấy các nhà khoa học pháp lý hình sự hoặc quá mở rộng hoặc quá thu hẹp cơ sở lý luận của nhận thức về nguyên tắc nhân đạo trong LHS.

Các quan điểm và cách tiếp cận nguyên tắc nhân đạo trong LHS trên hai bình diện mặc dù chỉ ra được mối liên hệ giữa yêu cầu nhân đạo với các yêu cầu khác của LHS mà trước hết là công lý, công bằng xã hội, song chưa lột tả được nội dung của nhân đạo trong luật hình sự. Để có thể nhận thức một cách có cơ sở khoa học về nguyên tắc nhân đạo trong LHS, hay nói cách khác, để trả lời được câu hỏi về nhân đạo trong LHS là nhân đạo với ai trước hết cần xuất phát từ lý luận về đối tượng điều chỉnh của LHS. Chúng ta biết rằng, đối tượng điều chỉnh của LHS là quan hệ xã hội phát sinh khi có hành vi phạm tội xảy ra, trong đó chủ yếu là quan hệ giữa Nhà nước và người phạm tội. Nhà nước là chủ thể có quyền quy định hành vi nào là tội phạm, quy định loại và mức hình phạt cũng như các biện pháp cưỡng chế hình sự khác để áp dụng đối với người phạm tội. Nhà nước còn là chủ thể thông qua các cơ quan và những người có thẩm quyền, có quyền

<sup>10</sup> Xem: Zdravomuxlov. B. V. Khái niệm, đối tượng với nguyên tắc của Luật hình sự, Trong sách: Luật hình sự Cộng hoà Liên bang Nga, Phần chung, Matxcova, 1996, Tr. 20, (Tiếng Nga).

<sup>11</sup> Xem: Võ Khánh Vinh (Chủ biên), Giáo trình Luật thi hành án hình sự Việt Nam, Đại học Huế, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, 2006, Tr.121.

<sup>12</sup> Xem: Malxép V. V. Các nguyên tắc của Luật hình sự và việc thực hiện chúng trong hoạt động áp dụng pháp luật, Sankt- Pêtêrburg, 2004, Tr. 79 (Tiếng Nga).

phạm tội. Người phạm tội là chủ thể phải chấp hành hình phạt và các biện pháp cưỡng chế hình sự mà Nhà nước quy định và áp dụng đối với họ. Như vậy, nói đến nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự chỉ có thể hiểu là nói đến nhân đạo của LHS mà chính xác hơn là nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội chứ không thể là nhân đạo của Nhà nước đối với Nhà nước. Mặt khác, đành rằng nguyên tắc nhân đạo trong LHS cần phải được xem xét không chỉ từ lợi ích của người phạm tội mà còn phải được xem xét từ góc độ lợi ích của những cá nhân khác trong xã hội cũng như của toàn xã hội, song điều đó không có nghĩa là cần coi việc “bảo đảm an ninh xã hội và Nhà nước”, (bảo vệ lợi ích hợp pháp của mọi công dân), “bảo vệ nhân thân con người và công dân, bảo vệ tài sản của họ khỏi sự xâm phạm của tội phạm”... cũng thuộc nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong LHS. Điều khẳng định này là có cơ sở bởi lẽ sự nhân đạo đối với xã hội, Nhà nước và người bị hại... tuy có liên quan, song không thuộc nội hàm của nguyên tắc nhân đạo trong LHS.

Các quan điểm xuất phát từ tính chất của hình phạt và các biện pháp tác động khác của của LHS cũng như từ góc độ áp dụng chúng để nghiên cứu nguyên tắc nhân đạo trong LHS trên một bình diện: nhân đạo đối với người phạm tội là đáng tin cậy. Tuy nhiên, nếu chỉ xuất phát từ nội dung trừng trị vốn có của hình phạt hoặc tính chất của hình phạt để làm xuất phát điểm nghiên cứu nhân đạo cũng như nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự là chưa hoàn toàn chặt chẽ và có sức thuyết phục cao. Chúng tôi cho rằng, để chặt chẽ và thuyết phục hơn thì ngoài việc xuất phát và lập luận nhân đạo và nguyên tắc nhân đạo trên cơ sở lý luận về đối tượng điều chỉnh của LHS như đã phân tích, còn phải xuất phát và lập luận nhân đạo và nguyên tắc nhân đạo trên cơ sở lý luận về mục đích và nhiệm vụ của luật hình sự bởi lẽ nhân đạo và nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự không thể không liên quan trực tiếp đến việc xác định mục đích và nhiệm vụ của LHS từ đó mới lựa chọn các phương tiện mà luật hình sự sử dụng

để giải quyết những nhiệm vụ đã đặt ra và đạt được mục đích nhất định. Mục đích mà LHS hướng đến để rồi xác định những phương tiện mà LHS sử dụng để đạt được mục đích đó không chỉ là “công việc mang tính chất nội bộ”. Để phòng ngừa tội phạm, luật hình sự có thể tác động và cần phải tác động không chỉ đến người phạm tội mà còn tác động trực tiếp đến tất cả mọi công dân. Vậy thì luật hình sự tác động bằng mọi giá hay chỉ tác động trong những giới hạn nhất định? Nhưng vấn đề này có ý nghĩa quan trọng về mặt tư tưởng cũng như về mặt chính trị – xã hội.

Trình độ phát triển hiện nay của khoa học LHS và tội phạm học cho phép làm sáng tỏ một cách đầy đủ và chính xác các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm nói chung cũng như của từng loại tội phạm nói riêng, đồng thời đề ra được các biện pháp có cơ sở khoa học để tác động một cách có hiệu quả đến người phạm tội. Con người là một thực thể phức tạp, năng động, không tách rời môi trường xã hội, nhưng cũng làm chủ được các hành vi của mình. Do vậy, nếu muốn tác động tích cực đến con người cần phải: *thứ nhất*, tác động đến chính cá nhân đồng thời tác động đến điều kiện sống của cá nhân đó; *thứ hai*, cần nhắc tính phức tạp và tính đặc thù của từng cá nhân cũng như của các dạng cá nhân; *thứ ba*, chú ý đến các nhân tố tâm lý – xã hội cũng như các nhân tố khác với môi trường xã hội mà đôi khi sự tác động của nó đối với cá nhân còn mạnh hơn sự tác động của LHS. Vậy thì tại sao LHS cần lựa chọn và áp dụng những biện pháp mà hiệu quả tác động của chúng gắn liền trực tiếp với những nhân tố nêu trên? Vấn đề là ở chỗ LHS muốn hay không muốn phải đồng thời đạt được các mục đích: bảo vệ được các lợi ích khác nhau trong xã hội và cải tạo giáo dục người phạm tội thành người lương thiện, có ích cho xã hội và không phạm tội mới. Nói cách khác, LHS bảo vệ xã hội khỏi sự xâm phạm của người phạm tội, đồng thời trả lại cho xã hội chính con người đã từng xâm hại nó sau khi đã được giáo dục, cải tạo. Những mục đích đó chỉ có thể cùng đạt được

(Xem tiếp trang 83)